TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 51 /2018/QĐST-HNGĐ	*C, ngày 20 tháng 4 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 41/2018/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: anh Dương Đức T, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Thôn Tr, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn : Chị Bàn Thị T, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Thôn Tr, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Dương Đức T và Chị Bàn Thị T

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Dương Đức T và chị Bàn Thị T

Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung cháu Dương Kiều V, sinh ngày 23/9/2010 và cháu Dương Anh Nh, sinh ngày 16/9/2012

Anh T và chị T thống nhất: anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Anh Nh đến tuổi thành niên, Chị T nuôi dưỡng cháu Dương Kiều V đến tuổi thành niên, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau

Hai bên có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không bên nào được cản trở.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí : Áp dụng khoản 3, khoản 4 điều 147-BLTTDS, điểm a khoản 5 điểm b, khoản 6 điều 27– Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án

Anh T, chị T mỗi người phải chịu 75.000đ án phí DSST, anh T nhận nộp luôn phần án phí của chị T, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2017/0003620 ngày 21/03/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Như vậy anh T còn được nhận lại 150.000đ

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện C;
-Tòa án tỉnh Thanh Hóa
- UBND xã C
- Chi cục THADS huyện C
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Lê Thị Thanh